TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HS-ST
Ngày 19-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Hoàng Đức Cảnh

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thị L, sinh năm 1983, nơi sinh: Hải Phòng; nơi đăng ký thường trú: thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòngnghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Phú T và bà Bùi Thị L; có chồng Phạm Nho H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 11 năm 2024 đến ngày 11 tháng 11 năm 2024 áp dụng biện phán ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.; có mặt.

2. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973, nơi sinh: Hải Phòng; nơi cư trú: phường Lê Hồng Phong, thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng;nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị N; có vợ Nguyễn Thị Thu.; tiền án; tiền sự Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 109/QĐ-XPVPHC ngày 05-9-2017 của Công an huyện Thủy Nguyên xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, chấp hành xong ngày 60-9-2017 (đã xóa); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 11 năm 2024 đến ngày 11 tháng 11 năm 2024 áp dụng biện phán ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.; có mặt.

3. Hoàng Nhật K, sinh năm 1983, nơi sinh: Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động

tự do; nơi cư trú: phường Lê Hồng Phong, thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính:Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Nhật C và bà Trần Thị Nt có vợ Vũ Thị H; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 11 năm 2024 đến ngày 11 tháng 11 năm 2024 áp dụng biện phán ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.; có mặt.

4. Bùi Thị H, sinh năm 1985, nơi sinh: Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: phường Lê Hồng Phong, thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Mẫn T và bà Nguyễn Thị L; có chồng Hoàng Quốc V; tiền án, tiền sự: Không.; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 11 năm 2024 đến ngày 11 tháng 11 năm 2024 áp dụng biện phán ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.; có mặt.

5. Hà Thị T, sinh năm 1970, nơi sinh: Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Tổ dân phố 3 khu vực Mỹ Đồng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính:Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Tại và bà Nguyễn Thị Ngoãn; có chồng Nguyễn Văn Tuấn; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 11 năm 2024 đến ngày 11 tháng 11 năm 2024 áp dụng biện phán ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.; có mặt.

6. Nguyễn Bá Mạnh, sinh năm 1973, nơi sinh: Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; nơi cư trú: Tổ dân phố 3 khu vực Kiền Bái, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá Tú và bà Nguyễn Thị Tố.; có vợ Nguyễn Thị Kiên; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 41/HSST ngày 05-9-1994 Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội cướp tài sản của công dân (đã xóa); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 11 năm 2024 đến ngày 11 tháng 11 năm 2024 áp dụng biện phán ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 ngày 02/11/2024, Q, K, Hải, T, Mạnh, Nguyễn Văn Dương, sinh năm 1975, cư trú tại tổ dân phố 5, phường Lê Hồng Phong, Thủy Nguyên, Hải Phòng; Nguyễn Chí Quy, sinh năm 1973, cư trú tại tổ dân phố 5, phường Lê Hồng Phong, Thủy Nguyên, Hải Phòng và Phạm Nho Hợp, sinh năm 1985, cư trú tại dân phố 7, phường Lê Hồng Phong, Thủy Nguyên, Hải Phòng đến nhà Hoàng Thị L chơi. Tại đây, các đối tượng L, T, Q, K, Hải, Mạnh rú nhau đánh bạc dưới hình thức "ba cây" được thua bằng tiền. Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Chí Quy, và Phạm Nho Hiệp (là chồng của L) sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường Lê Hồng Phong, Thủy Nguyên, Hải Phòng chỉ xem và không tham gia đánh bạc, Phạm Nho Hợp khi thấy mọi người đánh bạc thì đi xuống tầng 1 uống nước. Nhóm đánh bạc sử dụng 01 thảm vải và 01 bộ bài tú lơ khơ có sẵn tại nhà L để phục vụ cho việc đánh bạc. Khi chơi nhóm quy định cụ thể như sau: Trong bộ bài tú lơ khơ 52 lá chỉ lấy những lá bài Át, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Trong 1 ván chơi có 1 người cầm chương chia

mỗi người ba lá bài. Thang điểm từ 1 đến 10, điểm mỗi người là tổng của 03 lá bài được chia, nếu tổng bằng 10 hoặc 20 là 10 điểm, nếu lớn hơn 10 (hoặc 20) thì điểm được tính là hàng đơn vị của tổng ba lá bài. Người thắng, thua, hòa lần lượt có điểm lớn hơn, nhỏ hơn hoặc bằng điểm của người cầm chương. Tỉ lệ được thua như sau: Người cầm chương là người nhận cược và trả cược theo tỉ lệ 1:1, người thắng thì người cầm chương trả thưởng bằng số tiền đã cược, người thua mất số tiền đã cược. Quá trình đánh bạc ai được 10 điểm thì sẽ đổi người cầm chương. Số tiền cược tối thiểu là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng), số tiền cược tối đa là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Các đối tượng đều tham gia đánh bạc nhiều ván, đến 15 giờ cùng ngày thì bị Công an bắt quả tang.

Khi tham gia đánh bạc, các đối tượng sử dụng tiền đánh bạc như sau: Nguyễn Văn Q mang theo 9.000.000 đồng sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, thu giữ trên người Q số tiền 7.000.000 đồng. Hoàng Thị L mang theo 15.000.000 đồng sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc, thu giữ trên người L số tiền 12.000.000 đồng. Hoàng Nhật K mang theo 14.000.000 đồng sử dụng 2.500.000 đồng để đánh bạc, thu giữ trên người K 11.500.000 đồng. Bùi Thị Hải mang theo 10.000.000 đồng sử dụng 3.500.000 đồng để đánh bạc, thu giữ trên người Hải số tiền 6.500.000 đồng. Hà Thị T mang theo 23.800.000 đồng sử dụng 11.100.000 đồng để đánh bạc, thu giữ trên người T số tiền 12.700.000 đồng. Nguyễn Bá Mạnh mang theo 13.700.0000 đồng sử dụng 1.400.000 đồng để đánh bạc, thu giữ trên người Mạnh số tiền 12.300.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 23.500.000 đồng, tổng số tiền thu giữ trong người các bị cáo là 62.000.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 thảm vải trải sàn dưới nền nhà, số tiền 23.500.000 đồng thu giữ dưới chiếu bạc và số tiền 62.000.000 đồng thu giữ trong người các bị cáo đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuy Nguyên quản lý.

Tại Bản cáo trạng số 42/CT-VKSTN ngày 22 tháng 01 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên đã truy tố các bị cáo Hoàng Thị L, Nguyễn Văn Q, Hoàng Nhật K, Bùi Thị Hải, Hà Thị T, Nguyễn Bá Mạnh về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 2 Điều 51, điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt: Hoàng Thị L 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án trên, Nguyễn Văn Q, Hoàng Nhật K, Bùi Thị Hải, Hà Thị T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Nguyễn Bá Mạnh từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng thời giam thử thách tương ứng đối với các bị cáo. Giao các bị cáo cho Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo. Về sử lý vật

chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 23.500.000 đồng; Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 thảm vải trải sàn dưới nền nhà. Trả lại cho các bị cáo số tiền 62.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện, tỏ ra ăn năn, hối cải và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, của người được giao thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Khoảng 14 giờ ngày 02-11-2024, tại nhà của Hoàng Thị L ở khu vực tổ dân phố 7, phường Lê Hồng Phong (cũ là thôn 7, xã Kiền Bái) các bị cáo Hoàng Thị L, Nguyễn Văn Q, Hoàng Nhật K, Bùi Thị Hải, Hà Thị T, Nguyễn Bá Mạnh có hành vi đánh bạc dưới hình thức 3 cây được thua bằng tiền, số tiền thu được tại chiếu bạc là 23.500.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Vì vậy, cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Hoàng Thị L, Nguyễn Văn Q, Hoàng Nhật K, Bùi Thị Hải, Hà Thị T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ *"phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"*.

[4] Về phân hóa vai trò trong vụ án đồng phạm: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc với nhau từ trước, hành vi phạm tội là bộc phát tức thì, số tiền tham gia đánh bạc không lớn. Bị cáo Hoàng Thị L đã sử dụng nhà của mình cho các bị cáo đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc, bị cáo Nguyễn Bá Mạnh có 01 tiền án mặc dù đã được xoá nên xác định có nhân thân xấu nên bị cáo L bà bị cáo Mạnh phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

[5] Về hình phạt: Các bị không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều ăn ăn hối cải và đều được địa phương xác nhận hiện tốt các quy định của địa phương và pháp luật, chính sách của Nhà nước. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng và

có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải buộc các bị cáo phải cách ly xã hội mà có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 thảm trải sàn; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 23.500.000 đồng. Đối với số tiền thu giữ trong người của các bị cáo Hoàng Thị L 12.000.000 đồng, Nguyễn Văn Q 7.000.000 đồng; Hoàng Nhật K 11.500.000 đồng. Bùi Thị Hải 6.500.000 đồng, Hà Thị T 12.700.000 đồng, Nguyễn Bá Mạnh 12.300.000 đồng quá trình điều tra xác định là tiền cá nhân, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo.

[8] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Hoàng Thị L** phạm tội "Đánh bạc", xử phạt bị cáo 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân phường Lê Hồng Phong thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Q** phạm tội "Đánh bạc", xử phạt bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân phường Lê Hồng Phong thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Hoàng Nhật K** phạm tội "Đánh bạc", xử phạt bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân phường Lê Hồng Phong thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Bùi Thị Hải** phạm tội "Đánh bạc", xử phạt bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân phường Lê Hồng Phong thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Hà Thị T** phạm tội "Đánh bạc", xử phạt bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân phường Lê Hồng Phong thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Nguyễn Bá Mạnh** phạm tội "Đánh bạc", xử phạt bị cáo 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân phường Lê Hồng Phong thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 thảm vải trải sàn dưới nền nhà, tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số 23.500.000 đồng. Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị L 12.000.000 đồng; Nguyễn Văn Q 7.000.000 đồng; Hoàng Nhật K 11.500.000 đồng; Bùi Thị Hải 6.500.000 đồng; Hà Thị T 12.700.000 đồng; Nguyễn Bá Mạnh 12.300.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24 tháng 01 năm 20225; biên lai thu tiền số 0009951 ngày 07 tháng 02 năm 2025; biên lai thu tiền số 0009953 ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thủy Nguyên;
- CQCSĐT Công an thành phố Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân thành phố, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (thành phố, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi

phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thủy Nguyên;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- CQCSĐT Công an thành phố Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)